

Thực tiễn áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án dân sự và một số khuyến nghị

Trần Công Thịnh*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 12 năm 2008

Tóm tắt. Cưỡng chế kê biên tài sản (KBTS) nói riêng, thi hành án dân sự (THADS) nói chung là một trong những hoạt động quan trọng, nhằm khôi phục và bảo vệ các quan hệ xã hội bị xâm hại. Do đó, thi hành dứt điểm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay trên thực tế có ý nghĩa đặc biệt trong việc đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Hiệu quả của việc cưỡng chế KBTS là cơ sở, tiền đề cho sự thành công và hiệu quả của một vụ thi hành án về tài sản khi đương sự không tự nguyện thi hành. Song qua nghiên cứu về vấn đề này chúng tôi thấy rằng trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế KBTS để thi hành án gặp rất nhiều vướng mắc, nhiều nguyên nhân khác nhau gây cản trở cho việc cưỡng chế như: cơ chế quản lý, hoạt động THADS còn chồng chéo; sự phối hợp giữa các cơ quan tổ chức trong việc cưỡng chế còn chưa tốt; hay các nguyên nhân xuất phát trực tiếp từ các quy định của pháp luật về KBTS còn chưa chặt chẽ, rõ ràng hoặc còn có thiếu sót.

Qua nghiên cứu, phân tích trên chúng tôi thấy rằng: cần đổi mới cơ chế quản lý hoạt động THADS; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thi hành án đặc biệt là trong cưỡng chế KBTS... Về mặt pháp luật, nên hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án nói chung và các quy định của pháp luật về cưỡng chế KBTS nói riêng như xây dựng và ban hành Bộ luật THADS, nghiên cứu triển khai đề án Thừa phát lại.

Ngoài ra, chúng ta phải tăng cường năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ chấp hành viên (CHV); tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật về thi hành án để các đương sự tự nguyện thỏa thuận thi hành và cơ quan thi hành án có thể tranh thủ được sự giúp đỡ, phối hợp của cá nhân, tổ chức hữu quan trong suốt quá trình thi hành án. Chỉ như vậy mới tạo được điều kiện thuận lợi cho KBTS và thi hành án sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

1. Những kết quả đạt được

Cưỡng chế KBTS nói riêng, THADS nói chung là một trong những hoạt động quan trọng, nhằm khôi phục và bảo vệ các quan hệ

xã hội bị xâm hại. Do đó, thi hành dứt điểm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật hoặc chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay trên thực tế có ý nghĩa đặc biệt trong việc đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

Để đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định, trong những năm qua Đảng, Nhà nước

* ĐT: 84-4-36367120.

E-mail: thinhpro78@yahoo.com

đã quan tâm ban hành nhiều chủ trương, chính sách và pháp luật, cũng như hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác THADS; các cơ quan quản lý THADS, cơ quan THADS và toàn thể cán bộ, công chức ngành thi hành án đã nỗ lực phấn đấu để nâng cao kết quả và hiệu quả của công tác thi hành án dân sự. Nhờ có sự quan tâm và cố

gắng trên, nhiều bản án, quyết định của Tòa án đã được thi hành dứt điểm (Biểu số 1), bảo đảm được quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước, của cơ quan, tổ chức và các cá nhân công dân góp phần vào việc ổn định tình hình an ninh chính trị của đất nước, tạo tiền đề cho sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Biểu số 1

Số TT	Năm	Số việc giải quyết xong ở thời điểm báo cáo	Số việc thi hành xong hoàn toàn ở thời điểm báo cáo	Tỷ lệ giải quyết xong/tổng số phải thi hành	Tỷ lệ thi hành xong/số có điều kiện
1	2003	189.542	150740	35%	47%
2	2004	209.747	168022	39%	50%
3	2005	233.522	145468	42%	42%
4	2006	270.967	213218	45%	56%
5	2007	336.823	261197	52%	69%

Tuy nhiên bên cạnh kết quả đã đạt được, thì vẫn còn không ít những bản án, quyết định có hiệu lực thi hành nhưng chưa được tổ chức thi hành dứt điểm hoặc không thi hành được, khiến cho quyền, lợi ích hợp pháp của một bộ phận quần chúng nhân dân không được đảm bảo, gây bức xúc trong xã

hội. Theo số liệu thống kê hàng năm thì số liệu các bản án, quyết định bị tồn lại (trong đó các bản án, quyết định liên quan đến cưỡng chế kê biên để thi hành án chiếm tỷ lệ không nhỏ) chưa được thi hành dứt điểm vào các kỳ báo cáo hàng năm, mặc dù tỷ lệ có giảm, nhưng vẫn còn cao.

Biểu số 2

Số TT	Năm	Tổng số việc phải thi hành của năm báo cáo	Số lượng án chưa được giải quyết vào thời điểm báo cáo hàng năm	Tỷ lệ
1	2003	546.346	356.804	65.30%
2	2004	537.405	323.773	60.24%
3	2005	561.180	327.658	58.38%
4	2006	602.059	331.092	54.99%
5	2007	648.266	311.443	48.04%

Qua phân tích số lượng các vụ việc còn tồn chuyển sang năm sau tiếp tục tổ chức thi hành (gọi tắt là việc tồn) trong 05 năm trở lại đây (Biểu số 02) cho thấy, mặc dù số lượng việc tồn đọng chuyển kỳ sau có lúc tăng lúc giảm. Nhưng thực tế số lượng việc tồn cần phải giải quyết tính đến ngày 31/07/2007 vẫn còn một số lượng lớn (311.443). Số lượng những việc tồn này là số việc tồn của những

năm trước cộng dồn sang. Một điều đáng chú ý là trong số tồn này có những việc tồn đã được thụ lý từ năm 1993 (thời điểm chuyển giao công tác thi hành án từ Tòa án sang cho các cơ quan thuộc Chính phủ quản lý) đến nay vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Có nhiều lý do khách quan lẫn chủ quan dẫn đến tình trạng pháp luật không được chấp hành nghiêm chỉnh làm cho tồn đọng

án kéo dài không thi hành được. Tồn đọng án là mối quan tâm trở ngại của nhiều cấp, nhiều ngành, dư luận xã hội, nó ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể và công dân [1].

Sau đây, chúng ta xem xét cụ thể về những vướng mắc trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế KBTS.

2. Những vướng mắc gặp phải trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án

2.1. Xuất phát từ nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất: Một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự có trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ hai: Nhiều trường hợp Chấp hành viên chưa thực sự tích cực, quyết liệt đối với những vụ việc phức tạp, khó khăn; ngại khó, ngại va chạm

Tại Điều 14 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 đã quy định: “Chấp hành viên có trách nhiệm thi hành đúng nội dung bản án, quyết định dân sự, áp dụng đúng đắn các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhà nước và đương sự...”. Đồng thời, Pháp lệnh Thi hành án dân sự cũng quy định cho Chấp hành viên nhiều quyền năng để tổ chức thi hành án, trong đó có quyền ra quyết định cưỡng chế nói chung và cưỡng chế kê biên tài sản nói riêng để thi hành án. Nhưng trên thực tế, vẫn còn hiện tượng chấp hành viên chưa tích cực tổ chức thi hành án; ngại va chạm, nên không sử dụng các biện pháp mạnh để tổ chức thi hành dứt điểm bản án.

Thứ ba: Vẫn còn trường hợp Chấp hành viên gây sách nhiễu, vòi vĩnh đương sự, gây cản trở hoạt động thi hành án, làm xói mòn

lòng tin của nhân dân vào các đường lối, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

2.2. Xuất phát từ nguyên nhân khách quan

2.2.1. *Chế độ đãi ngộ đối với Chấp hành viên, cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự chưa hợp lý*

Trong những năm gần đây, tình trạng chấp hành viên của cơ quan Thi hành án các nơi xin nghỉ việc cũng như muốn chuyển công tác khác có xu hướng gia tăng. Theo thống kê sơ bộ, trong năm 2007, toàn ngành thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh có 19 người xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác khác; 02 trưởng thi hành án quận huyện và nhiều chấp hành viên xin thôi làm nhiệm vụ thi hành án để được làm công tác hành chính. Ngoài ra còn có hàng chục cử nhân luật xin chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn [2].

Nhiều sinh viên cho biết họ không muốn làm ngành thi hành án vì ngoài mức lương nhà nước cơ bản của cán bộ công chức không còn khoản nào khác nên không đủ sống. Nhiều người tạm thời chấp nhận làm cán bộ, chuyên viên thi hành án để chờ cơ hội học nghề và sẵn sàng bỏ nghề để trở thành luật sư hoặc tìm được công việc lương cao hơn.

Vừa qua Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh muốn tổ chức thi tuyển 51 người nhưng lại không đủ số lượng dự tuyển theo yêu cầu gấp đôi số cần tuyển (phải ít nhất là 102 người) nên chưa thể tổ chức thi tuyển. Thậm chí cả khi Ủy ban Nhân dân (UBND) thành phố chấp nhận cho tuyển cán bộ công chức có hộ khẩu tạm trú dài hạn tại địa phương (KT3) nhưng vẫn không tuyển đủ số lượng. Không có nhiều sinh viên luật tốt nghiệp muốn dự tuyển vì đặc trưng của ngành rất phức tạp và mang tính rủi ro cao.

2.2.2. *Người phải thi hành án chây ì, chống đối, cản trở việc thi hành án*

Qua thực tiễn tổ chức thi hành án dân sự trong hơn 14 năm qua cho thấy, trong quá

trình thi hành án, quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và những người có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp bị ảnh hưởng, nhất là đối với những người phải thi hành án. Lúc này các quyền về nhân thân (thi hành án buộc làm hoặc không được làm một công việc), quyền về tài sản và tài sản (thi hành nghĩa vụ về tài sản) của người phải thi hành án đã trực tiếp bị tác động. Nếu họ không tự nguyện thi hành nghĩa vụ, chấp hành viên sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế để buộc họ phải thực hiện theo đúng nội dung bản án, quyết định của Tòa án vì lợi ích của người được thi hành án. Do đó, trong giai đoạn này, người phải thi hành án thường tìm mọi cách để trì hoãn, trốn tránh việc thi hành án, làm cho việc thi hành án trở nên khó khăn, phức tạp, nhất là những trường hợp người phải thi hành án chưa thoả mãn với kết quả giải quyết của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Xin đưa ra đơn cử một ví dụ: Theo bản án số 31/DSST ngày 21/04/2001 của Tòa án nhân dân huyện H thì ông Nguyễn Ngọc H phải trả lại cho ông Trần Hải Q 25m² đất theo quyết định của bản án.

Sau nhiều lần động viên, thuyết phục nhưng ông H vẫn không tự nguyện thi hành, để thi hành dứt điểm bản án trên, cơ quan thi hành án huyện T đã lên kế hoạch chuẩn cưỡng chế thi hành án đối với ông H. Khi cơ quan thi hành án huyện T báo, người nhà ông H cho biết thời gian qua ông H thua cá độ phải vay nợ một số tiền lớn không có khả năng trả được, nên bỏ đi, hiện không rõ địa chỉ (ông H ly hôn vợ, do hai chồng sống với nhau lâu năm mà không có con, ngôi nhà hiện nay do Tòa án giao cho ông H quản lý, sử dụng khi ly hôn vợ).

Việc tổ chức cưỡng chế phải dừng lại do người được thi hành án vắng mặt. Từ đó đến nay, gia đình ông H cũng không có tin tức gì của ông. Vụ việc kéo dài đến nay vẫn chưa giải quyết dứt điểm được.

2.2.3 Môi quan hệ phối hợp trong công tác thi hành án

Nhìn chung các cơ quan hữu quan tuy đã thực hiện các quy định của pháp luật về việc phối hợp hoặc trách nhiệm trong công tác THADS. Nhưng cũng còn nhiều trường hợp quy định trên của pháp luật không được thực hiện đầy đủ như việc thực hiện không tốt quyền yêu cầu hoãn, tạm đình chỉ thi hành án. Trong thực tế, có nhiều trường hợp, sau khi bản án, quyết định được tuyên, Tòa án chậm hoặc không chuyển giao cho cơ quan thi hành án để thi hành, hoặc chuyển giao bản án, nhưng không chuyển giao tang vật, tài sản kèm theo, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ của chính quyền địa phương đặc biệt là UBND cấp xã trong việc thi hành án trên thực tế thì sự phối hợp đó tỏ ra rất mờ nhạt từ phía UBND địa phương. Ngoài ra, công tác bảo vệ cưỡng chế thi hành án có nơi chưa tốt, lực lượng cảnh sát còn có thái độ ngần ngại, né tránh tham gia và còn có sự can thiệp yêu cầu hoãn thi hành án tùy tiện của một số chủ thể có quyền, dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả của công tác THADS.

Như vậy, việc phối hợp với các cơ quan thi hành án để thực hiện thi hành án đạt kết quả cao là trách nhiệm của mọi chủ thể mà pháp luật đã quy định. Tuy nhiên, việc phối hợp giữa các cơ quan hữu quan đôi lúc đôi nơi chưa được thật sự phối hợp một cách gắn kết, nhịp nhàng và thống nhất. Chúng tôi xin đưa ra một ví dụ sau để minh họa:

Theo Pháp lệnh THADS 2004, cơ quan thi hành án dân sự có thể uỷ quyền cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản hoặc tự mình bán tài sản để thi hành án. Tài sản được bán đấu giá để thi hành án có thể là tang vật, tài vật được tuyên tịch thu sung công ngay trong bản án, quyết định của Tòa án; tài sản

do cơ quan thi hành án kê biên để đảm bảo thi hành án... Người mua hoặc nhận tài sản để thi hành án có thể là cá nhân, cơ quan hoặc tổ chức... Khoản 1 Điều 49 Pháp lệnh THADS 2004 quy định: “Người mua được tài sản thi hành án, người nhận tài sản để thi hành án được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền sở hữu đối với tài sản đó”.

Mặc dù pháp lệnh quy định rõ ràng như vậy, nhưng trong thực tế, còn có nhiều trường hợp người mua hoặc nhận tài sản để thi hành án đã gặp không ít khó khăn khi đi đăng ký quyền sở hữu tài sản của mình, thường gặp nhất là trong các lĩnh vực nhà đất, ô tô, xe máy... Cơ quan chức năng khi thực hiện việc đăng ký quyền sở hữu tài sản cho các trường hợp này thường yêu cầu người đi đăng ký phải xuất trình “ hồ sơ gốc” của tài sản đó mới cho đăng ký. Thực tế cho thấy không phải bất kỳ trường hợp nào tài sản do cơ quan thi hành án đưa ra bán để thi hành án cũng đều có đầy đủ hồ sơ gốc. Ví dụ như tài sản bị tuyên tịch thu sung công nhưng không rõ nguồn gốc chủ sở hữu; tài sản cơ quan thi hành án cưỡng chế kê biên thi hành án, nhưng người bị kê biên cố tình không giao nộp hoặc tiêu huỷ hồ sơ gốc của tài sản này... Trong những trường hợp như vậy, cơ quan thi hành án dân sự không thể nào đưa tài sản kê biên ra bán đấu giá với đầy đủ hồ sơ gốc.

Xin nêu một trường hợp cụ thể để minh chứng: Trong một vi phạm an toàn giao thông đường bộ, Quyết định phúc thẩm hình sự số 24/QĐPT ngày 25/01/2005 của toà phúc thẩm toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã tuyên tiếp tục kê biên quy trừ xe mô tô biển số 60H7 - 4678 của Lê Triệu Nhật Phi để bảo đảm thi hành khoản tiền bồi thường cho người bị hại (kèm theo 01 giấy chứng nhận xe đứng tên Phạm Thị Kim Oanh). Trong quá trình xử lý bán chiếc xe mô tô này để thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự đã thực hiện

đúng và đầy đủ các thủ tục do pháp luật quy định. Nhưng khi người mua được xe là ông Nguyễn Văn Quyền (165 Trần Cao Vân, thị xã Tam kỳ) đến phòng cảnh sát giao thông công an Tỉnh Đồng Nai, cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam liên hệ làm việc với phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Nai xin rút hồ sơ về để làm thủ tục trước bạ cho người mua thì bị cơ quan này từ chối và hướng dẫn ngược lại rằng, phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Nam phải làm thủ tục sang tên trước bạ cho người mua trước, sau đó có công văn yêu cầu chuyển hồ sơ để lưu thì phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đồng Nai mới cho rút hồ sơ. Như vậy cùng một sự việc nhưng hai cơ quan cảnh sát giao thông ở hai tỉnh lại có hai cách giải quyết không giống nhau. Nơi này có yêu cầu hồ sơ gốc mới cho trước bạ sang tên, nơi kia lại bảo trước bạ sang tên rồi mới cho rút hồ sơ gốc.

Khoản 2 Điều 49 Pháp lệnh THADS năm 2004 quy định: “Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cho người mua, người nhận tài sản để thi hành án theo quy định của pháp luật”. Và khoản 3 điều này cũng quy định hồ sơ chuyển quyền sở hữu gồm có:

- a. Bản sao bản án, quyết định;
- b. Quyết định thi hành án, quyết định kê biên tài sản;
- c. Văn bản bán đấu giá thành hoặc biên bản giao nhận tài sản để thi hành án;
- d. Các giấy tờ khác liên quan đến tài sản (nếu có).

Như vậy, có thể nói, không chỉ riêng trường hợp chiếc xe mô tô được nêu ra làm ví dụ trên đây, mà bất kỳ tài sản nào khác được cơ quan thi hành án dân sự đưa ra bán đấu giá (hoặc xử lý theo quy định của pháp luật) để thi hành án, thì hồ sơ cơ quan thi hành án dân sự cung cấp cho người mua hoặc người nhận tài sản để thi hành án (gồm các loại giấy tờ như trên) phải được coi như “hồ sơ gốc”.

Với hồ sơ này, người mua hoặc nhận tài sản để thi hành án có quyền được đăng ký quyền sở hữu tài sản của mình. Cơ quan có thẩm quyền không được từ chối đăng ký cũng như cũng như không có quyền đòi hỏi thêm bất kỳ giấy tờ nào khác ngoài các giấy tờ được cơ quan thi hành án dân sự cung cấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp đăng ký sang tên trước bạ chiếc xe mô tô nói trên, chúng tôi cho rằng, phòng Cảnh sát giao thông Đồng Nai hướng dẫn đúng.

Mỗi cơ quan trong hệ thống bộ máy nhà nước đều được phân định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho nên sai ở khâu nào, người nào, thì khâu đó, người đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tác giả cho rằng việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua hoặc nhận tài sản để thi hành án hay gặp phải những vướng mắc như trên không phải vì cơ chế pháp lý còn thiếu hay không rõ ràng, mà vì chính một số cơ quan chức năng quá “lo xa” sợ rằng cơ quan thi hành dân sự không làm đúng pháp luật. Chính sự “lo xa” không cần thiết này, đã làm cho trường hợp người mua hoặc nhận tài sản do cơ quan thi hành án giao gặp không ít khó khăn khi đăng ký sang tên trước bạ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng làm hạn chế kết quả thi hành án dân sự trong thời gian qua.

Mong rằng cơ quan thi hành án dân sự nói riêng và ngành Tư pháp nói chung, cần chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan để bàn bạc, trao đổi đi đến thống nhất hướng xử lý chung cho việc đăng ký quyền sở hữu cho người mua hoặc nhận tài sản để thi hành án, tránh những vướng mắc không cần thiết như hiện nay.

2.2.4. Người phải thi hành án không có khả năng để thi hành án

Người phải thi hành án không có tài sản, thu nhập hợp pháp để thi hành án hoặc không xác định được nơi cư trú của đương sự; đặc biệt đối với trường hợp người phải

thi hành án đang chấp hành hình phạt tù, không có tài sản; người phải thi hành án có tài sản nhưng giá trị nhỏ không đáng kể để thi hành án, hoặc chỉ có tài sản để kê biên, phát mãi nhưng không bán được, mà người được thi hành án không đồng ý nhận để trừ vào số tiền được thi hành án và người phải thi hành án không còn tài sản nào khác. Người phải thi hành nghĩa vụ giao vật đặc định mà vật đó đã mất, hư hỏng mà hai bên không thoả thuận được về phương thức thanh toán...

2.3. Những bất cập từ các quy định về kê biên tài sản

2.3.1. Về vấn đề định giá tài sản kê biên khi không bán được

Điều 48 Pháp lệnh THADS 2004 quy định về xử lý tài sản kê biên không bán được: “ Trong trường hợp tài sản kê biên không bán được... Cơ quan thi hành án tổ chức định giá lại theo hướng giảm giá để tiếp tục bán đấu giá. Mỗi lần giảm giá không quá mười phần trăm đã định. Nếu sau hai lần giảm giá mà tài sản vẫn không bán được thì người được thi hành án có quyền nhận tài sản theo giá đã giảm để thi hành án. Nếu người được thi hành án không chấp nhận thì Chấp hành viên trả lại tài sản cho người phải thi hành án và áp dụng biện pháp cưỡng chế khác”.

Quy định như trên của Điều 48 là chưa hợp lý, gây rất nhiều khó khăn cho công tác thi hành án, chúng tôi xin đưa ra ví dụ sau để minh chứng

Ví dụ: Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 117/DSPT ngày 13/9/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương với nội dung buộc vợ chồng ông Võ Văn Lộc và Mai Ngọc Thu phải trả cho bà Vương Thị Hiệp số tiền gốc và lãi là 158.800.000 đồng. Ngày 21/5/2004, bà Hiệp làm đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án đã căn cứ bản án với nội dung yêu cầu ra Quyết định thi hành án số

406/QĐ-TĐYC-THA ngày 24/5/2004 với nội dung như trên. Trong quá trình giải quyết đơn đốc thi hành án, cơ quan thi hành án đã thuyết phục, động viên và cho thời hạn tự nguyện, nhưng ông Lộc, bà Thu không tự nguyện thi hành án. Qua xác minh cho thấy, ông Lộc, bà Thu có một số tài sản gồm: Tiền gửi tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là 50.000.000 đồng và căn nhà diện tích xây dựng 351,3m² gắn liền với quyền sử dụng đất 212,77m², ngoài ra không còn tài sản có giá trị nào khác. Cơ quan thi hành án đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên và thu được số tiền 50.000.000 đồng chi trả cho bà Hiệp. Số tiền còn phải thi hành án là 108.800.000 đồng, cơ quan thi hành án ra quyết định kê biên nhà và quyền sử dụng đất nêu trên. Tại biên bản định giá ngày 14/9/2004 xác định toàn bộ tài sản là 1.892.373.400 đồng, cơ quan thi hành án uỷ quyền cho Trung tâm bán đấu giá không được, vì giá cao hơn giá khảo sát tại thị trường. Ngày 29/10/2004, cơ quan thi hành án gửi công văn đến Sở Tài chính đề nghị xác định lại giá trị quyền sử dụng đất với nội dung: “Theo khảo sát của trung tâm bán đấu giá tài sản, thì tại tuyến đường Thủ Khoa Huân (nơi có tài sản), giá trị quyền sử dụng đất chỉ có 2.000.000 đồng/m², nhưng Hội đồng định giá quyền sử dụng đất là 6.500.000 đồng/m² là quá cao, không thể bán được...”. Tại Công văn số 1589/TC-BG ngày 04/11/2004 của Sở Tài chính trả lời với nội dung: “Giá đất do Hội đồng định giá tài sản đã xác định là tương đương với giá thị trường. Hiện tại, ngành Tài chính đang dự thảo bảng giá đất mới, trong đó, dự kiến đất mặt tiền đường thủ Thủ Khoa Huân là 6.700.000 đồng/m². Do đó, Sở Tài chính không nhất trí với đề nghị điều chỉnh giảm giá đất theo đề nghị của cơ quan thi hành án...”.

Toàn bộ tài sản được định giá lần 2 là 1.744.531.950 đồng. Ngày 08/04/2005, cơ quan thi hành án và Trung tâm bán đấu giá tài sản giao kết hợp đồng lần 2 và ra thông báo bán đấu giá số 29 ngày 08/04/2005, nhưng vẫn không bán được. Ngày 14/6/2005, Trung tâm bán đấu giá tài sản có công văn gửi cơ quan thi hành án với nội dung không bán được tài sản và đề nghị định giá lại.

Do gặp khó khăn trong việc đấu giá tài sản, nêu ngày 20/03/2006, cơ quan thi hành án đã phải giải thích và đề nghị bà Hiệp nhận tài sản để khấu trừ khoản phải thi hành án. Tuy nhiên, ngày 03/7/2006, bà Hiệp có đơn khiếu nại gửi cơ quan thi hành án với nội dung: “Người phải thi hành án có điều kiện nhưng ngoan cố không chấp hành và cơ quan thi hành án thì lại vô tình làm ngơ, khiến cho bà bị thiệt thòi trong suốt thời gian qua...”.

Rõ ràng, việc xác định theo giá cả thị trường là vấn đề hết sức khó khăn và luôn gây nhiều tranh cãi, cho nên, bên cạnh việc cơ quan nhà nước cần có khung giá phù hợp với giá cả thị trường và việc định giá phải thấp hơn giá thị trường để làm cơ sở đưa ra giá khởi điểm, thì mới có thể thi hành được. Mặt khác, khi tài sản không thể bán được như trường hợp nêu trên, thì cho phép hội đồng định giá lại tài sản xác định giá trị một cách phù hợp hơn. Theo tác giả, việc Điều 48 Pháp lệnh 2004 quy định mỗi lần giảm giá không quá mười phần trăm là chưa phù hợp, nên nâng mức tỷ lệ giảm giá.

2.3.2. Về quy định bảo quản tài sản kê biên để thi hành án

Bảo quản tài sản kê biên thi hành án là một hoạt động của cá nhân hoặc tổ chức do pháp luật quy định, nhưng việc quyết định giao tài sản kê biên thi hành án cho ai là nhiệm vụ của Chấp hành viên thuộc cơ quan Thi hành án dân sự, điều này đã được pháp luật về thi hành án dân sự quy định.

Tại Điều 32 Pháp lệnh THADS năm 1993 quy định:

“1. Nếu người được thi hành án không đồng ý nhận tài sản kê biên để thi hành án, thì chấp hành viên giao tài sản đã kê biên cho người phải thi hành án, thân nhân của họ hoặc người đang sử dụng tài sản đó bảo quản...”.

Theo điều luật này, nếu người được thi hành án không đồng ý nhận tài sản đã kê biên để thi hành án thì việc giao bảo quản tài sản kê biên để Chấp hành viên thi hành án chỉ có một hình thức duy nhất là giao cho người phải thi hành án, thân nhân của họ hoặc người đang sử dụng tài sản đó (trừ trường hợp tài sản là vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, ngoại tệ). Quy định này đã bộc lộ những bất cập trong công tác thi hành án dân sự đó là việc chấp hành viên giao cho người phải thi hành án hoặc thân nhân của họ quản lý và bảo quản tài sản kê biên đã xảy ra các hiện tượng như: người phải thi hành án tìm mọi cách tẩu tán tài sản, cố tình trì hoãn hoặc chống đối lại việc thi hành án... gây nhiều khó khăn trong việc thi hành án và ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công tác thi hành án dân sự. Để khắc phục tình trạng này, Pháp lệnh THADS năm 2004 đã được sửa đổi tại Điều 45 quy định cụ thể như sau:

“Chấp hành viên lựa chọn một trong các hình thức sau đây để bảo quản tài sản kê biên:

a) Giao cho người phải thi hành án, người thân thích của họ hoặc người đang sử dụng bảo quản;

b) Giao cho cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản;

c) Bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án”.

Với nội dung điều luật này, Chấp hành viên có tới ba hình thức giao bảo quản tài sản kê biên thi hành án và hoàn toàn được quyền lựa chọn một trong ba hình thức quy định trên để giao bảo quản sao cho phù hợp với

điều kiện thực tế (điều kiện của người được giao bảo quản) và đảm bảo hiệu quả của việc thi hành án. Như vậy, so với quy định tại Điều 32 Pháp lệnh THADS năm 1993, điều luật này đã được sửa đổi theo hướng mở rộng hình thức giao bảo quản tài sản kê biên và quan trọng hơn là trao quyền lựa chọn các hình thức giao bảo quản tài sản kê biên thi hành án mà Pháp lệnh THADS năm 1993 chưa quy định.

Trên thực tế, khi được lựa chọn các hình thức giao bảo quản tài sản kê biên, Chấp hành viên đã lựa chọn hình thức bảo quản (đối với tất cả các tài sản là động sản) tại kho của Cơ quan thi hành án. Vì việc bảo quản tài sản tại kho Cơ quan thi hành án có nhiều thuận lợi và thực sự đem lại hiệu quả trong công tác thi hành án dân sự, hạn chế được hiện tượng tẩu tán tài sản kê biên như trước đây. Đặc biệt đương sự đã thấy được sức mạnh, quyền lực của nhà nước của Cơ quan thi hành án nói chung, của Chấp hành viên nói riêng và thấy được tài sản của họ thực sự bị “mất”. Từ đó buộc họ phải lựa chọn biện pháp thi hành có lợi cho họ, đó là việc tự nguyện thi hành để họ sớm nhận lại tài sản đang do Cơ quan thi hành án thu giữ. Tuy nhiên, trên thực tế kho thi hành án của một số Cơ quan thi hành án hiện nay chưa được xây dựng lại hoặc diện tích kho còn nhỏ hoặc chất lượng kho đã xuống cấp, không đảm bảo cho việc bảo quản các tài sản kê biên.

Như vậy, có thể nói quy định này đã và đang rất phù hợp với thực tiễn công tác thi hành án dân sự, góp phần không nhỏ vào thắng lợi của công tác thi hành án dân sự trong toàn quốc.

Nhưng tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự quy định về việc bảo quản tài sản thi hành án như sau:

“Cơ quan thi hành án thực hiện việc bảo quản tài sản để thi hành án theo bản án, quyết định không xác định người có trách nhiệm bảo vệ tài sản thì việc bảo quản tài sản được thực hiện như sau:

a) Tài sản kê biên được giao cho người phải thi hành án, chủ sở hữu hoặc thân thích của người đó bảo quản;

b) Nếu người phải thi hành án, người đang sử dụng, quản lý tài sản, người thân thích của người phải thi hành án không nhận bảo quản hoặc xét thấy có dấu hiệu tẩu tán, huỷ hoại tài sản, cản trở việc thi hành án thì tùy từng trường hợp cụ thể tài sản kê biên được giao cho cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản hay bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án”.

Theo điều luật này, quyền lựa chọn hình thức giao bảo quản tài sản kê biên để thi hành án của Chấp hành viên đã bị hạn chế rất nhiều không đúng tinh thần của Điều 45 Pháp lệnh THADS năm 2004. Hạn chế ở chỗ Chấp hành viên không được quyền lựa chọn một trong ba hình thức giao bảo quản như Điều 45 Pháp lệnh Thi hành án dân sự năm 2004 quy định mà khi kê biên tài sản để thi hành án, trước hết, Chấp hành viên buộc phải “giao cho người phải thi hành án chủ sở hữu hoặc thân thích bảo quản (theo điểm A Điều 25 Nghị định 173), nếu chấp hành viên lựa chọn hình thức giao bảo quản khác thì phải có những điều kiện nhất định như quy định tại điểm b, Điều 25 NĐ 173. Như vậy, quyền lựa chọn hình thức giao bảo quản tài sản kê biên của Chấp hành viên theo quy định tại Điều 45 Pháp lệnh THADS năm 2004 rõ ràng không được thực hiện. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 80 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn” có nghĩa là Chấp hành viên được quyền áp dụng Điều 45 Pháp lệnh THADS năm 2004 để lựa chọn hình thức giao

bảo quản. Nhưng trên thực tế do tâm lý và trình độ nhận thức của một số Chấp hành viên, đặc biệt do thói quen áp dụng Điều 32 của pháp lệnh THADS năm 1993 cho nên một số Chấp hành viên vẫn áp dụng Điều 25 Nghị định số 173. Rõ ràng việc áp dụng quy định về bảo quản tài sản kê biên thi hành án vẫn chưa được thống nhất trong toàn quốc. Mặt khác, Điều 25 Nghị định 173 không mang nội dung hướng dẫn thi hành mà còn trái ngược lại với tinh thần của Điều 45 Pháp lệnh THADS năm 2004. Đó chính là những bất cập trong quy định về bảo quản tài sản kê biên thi hành án hiện nay.

Theo tác giả, khoản 1 Điều 25 Nghị định 173 chỉ nên quy định đối với tài sản kê biên là bất động sản thì sẽ hợp lý còn đối với tài sản kê biên là động sản thì phương án bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án là khả thi nhất và đem lại hiệu quả thi hành án cao nhất, ví dụ cụ thể như sau:

Vụ án ly hôn giữa anh Nguyễn Đức M và chị Nguyễn Thị Thanh H của Toà án Nhân dân huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh tuyên: “Anh M được sở hữu một xe máy Future và một tivi Panasonic nhưng phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 5.900.000 đồng”. Hết thời gian tự nguyện, anh M không tự nguyện chi trả cho chị H số tiền 5.900.000 đồng. Chấp hành viên đã áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp kê biên, xử lý chiếc xe Future. Sau khi kê biên, Chấp hành viên quyết định đưa chiếc xe về kho tang vật của Cơ quan thi hành án bảo quản, xử lý. Ngay ngày hôm sau Nguyễn Đức M đã đem đủ số tiền đến nộp tại cơ quan thi hành án để được nhận lại chiếc xe đã bị thu giữ. Như vậy vụ án đã được thi hành xong trong thời gian ngắn nhất. Nếu Chấp hành viên áp dụng khoản 1 Điều 25 Nghị định 173 sau khi kê biên chiếc xe lại giao cho anh Nguyễn Đức M bảo quản thì quá trình hành án chắc chắn sẽ còn phải kéo dài theo các thủ tục như định giá, bán đấu giá tài sản...

Từ những phân tích trên, để đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam, góp phần thúc đẩy công tác thi hành án dân sự trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi thiết nghĩ các nhà làm luật nên nghiên cứu, sửa đổi khoản 1 Điều 25 Nghị định 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 cho phù hợp với Điều 45 Pháp lệnh THADS năm 2004.

3. Khuyến nghị

Từ những nghiên cứu về mặt lý luận cũng như việc đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật, chỉ ra những vướng mắc, bất cập trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án, chúng tôi xin kiến nghị như sau:

3.1. Về cơ chế quản lý công tác thi hành án

Đổi mới cơ chế quản lý công tác thi hành án, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong công tác thi hành án đặc biệt là trong trường hợp cưỡng chế thi hành án.

Công tác thi hành án cần thống nhất về một mối, bởi lẽ việc đổi mới cơ chế quản lý công tác thi hành án hiện nay là một vấn đề có tính chiến lược, nằm trong quá trình cải cách tư pháp, cải cách hành chính. Việc đổi mới cơ chế nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất về tổ chức, cơ chế hoạt động, công tác hướng dẫn chỉ đạo chuyên môn tập trung lực lượng cán bộ và chuyên môn hóa cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất là nhằm khắc phục những vướng mắc, bất cập, tình trạng phân tán, xé lẻ trong hoạt động thi hành án, mà chúng tôi đã đề cập trong phần trên.

3.2. Về xây dựng pháp luật

Những tồn tại cơ bản của việc áp dụng biện pháp cưỡng chế KBTS để thi hành án được xem xét trong mối quan hệ với hiện

trạng pháp luật về thi hành án như là một nguyên nhân chính bên cạnh những nguyên nhân khác. Do đó, để nâng cao hiệu quả của việc áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản trước hết chúng ta cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án nói chung và các quy định của pháp luật về cưỡng chế kê biên tài sản nói riêng (ví dụ: xây dựng và ban hành Bộ luật THADS, nghiên cứu triển khai đề án Thừa phát lại), Luật thi hành án cần có sự đối chiếu các quy định về kê biên tài sản giữa các văn bản này. Để khắc phục mâu thuẫn giữa các văn bản, bổ sung những khoảng trống các quy định của từng văn bản cũng như giữa các văn bản với nhau...

Ngoài ra, cần quy kết trách nhiệm một cách rõ ràng với CHV tiến hành KBTS nhất là trong việc xác minh tài sản của người phải thi hành án, bởi không làm tốt việc này nó sẽ ảnh hưởng tới các công việc tiếp theo của kê biên, dẫn đến việc KBTS không đạt hiệu quả, hoặc đạt hiệu quả không cao.

3.3. Về thực hiện các quy định pháp luật cưỡng chế kê biên tài sản

Hiện nay, chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì thế công việc thực hiện pháp luật đòi hỏi phải bảo đảm pháp chế nghĩa là không những tăng cường hoàn thiện hệ thống pháp luật mà còn đảm bảo cho pháp luật ấy đi vào cuộc sống cụ thể trong thi hành án để nâng cao hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Trước hết cần phải có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thi hành án và các cơ quan chức năng khác trong công tác cưỡng chế thi hành án nhằm đảm bảo tính khoa học cũng như hiệu quả của công việc.

Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích pháp luật, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án và chỉ cưỡng chế khi cần thiết.

Như phân tích trên, chúng ta thấy thực tiễn việc áp dụng biện pháp cưỡng chế KBTS để THADS rất phức tạp. Nhưng biện pháp cưỡng chế này lại có vai trò và ý nghĩa rất lớn đối với công tác THADS hiện nay. Từ đó cần có sự nhận thức một cách đúng đắn về những thành quả đạt được và những vấn đề vướng mắc còn tồn tại để có giải pháp khắc phục, đồng thời hoàn thiện về mặt pháp luật về cưỡng chế thi hành án nói riêng, THADS nói chung góp phần vào công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. Việc cưỡng chế thi hành án đã tiến hành thuận lợi nghĩa là phần nào chúng ta đã thực hiện việc bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân cũng có nghĩa là góp phần vào việc tăng cường bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa.

3.4. Một số đề xuất khác

3.4.1. Triển khai sâu rộng việc tin học hoá hoạt động quản lý, điều hành thi hành án dân sự: Triển khai hộp thư điện tử, đào tạo sử dụng, khai thác các cơ sở dữ liệu THADS nói riêng và khai thác dữ liệu trên Internet nói chung cho THADS địa phương, triển khai việc gửi báo cáo, văn bản bằng thư điện tử xây dựng phần mềm thống kê kết quả thi hành án dân sự...

3.4.2. Thực hiện tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ cơ quan thi hành án; xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án, đảm bảo các chấp hành viên trước khi bổ nhiệm phải qua đào tạo nghề. Sớm ban hành chế độ chính sách đãi ngộ với chấp hành viên và cán bộ thi hành án, trước mắt là chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ thi hành án như với thư ký tòa án (hiện mới chỉ có chế độ bồi dưỡng đối với Chấp hành viên).

3.4.3. Đáp ứng đầy đủ và kịp thời kinh phí hoạt động cho cơ quan thi hành án. Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động, đặc biệt là xây dựng trụ sở, hệ thống kho tàng tài vật của các cơ quan thi hành án.

3.4.4. Tăng cường công tác giải thích pháp luật, thường xuyên tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục thuyết phục đương sự tự nguyện chấp hành; chỉ tiến hành cưỡng chế trong trường hợp bất đắc dĩ; tăng cường sự giám sát của nhân dân...

4. Kết luận

Mỗi khi quyền lợi hợp pháp của mình bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền gửi đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết, vì vậy đòi hỏi hoạt động xét xử phải: kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật. Đồng thời, các phán quyết của Tòa án phải được thi hành nghiêm chỉnh, triệt để, kịp thời mới bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Các biện pháp cưỡng chế thi hành án trong đó có biện pháp cưỡng chế KBTS cũng chỉ nhằm mục đích chung nói trên. Vì thế nó có một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hiệu lực các phán quyết dân sự về tài sản của Tòa án. Hiệu quả của việc cưỡng chế KBTS là cơ sở, tiền đề cho sự thành công, hiệu quả của một vụ thi hành án về tài sản khi đương sự không tự nguyện thi hành. Song qua nghiên cứu về vấn đề này chúng tôi thấy rằng trong quá trình áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản để thi hành án gặp rất nhiều vướng mắc, nhiều nguyên nhân khác nhau gây cản trở cho việc cưỡng chế. Cụ thể như: cơ chế quản lý, hoạt động THADS còn chồng chéo; sự phối hợp giữa các cơ quan tổ chức trong việc cưỡng chế còn chưa tốt; hay các nguyên nhân xuất phát trực tiếp từ các quy định của pháp luật về KBTS

còn chưa chặt chẽ, rõ ràng hoặc còn có thiếu sót. Nhưng dù nguyên nhân nào đi chăng nữa thì thực tế là quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đang không được đảm bảo trong quá trình thi hành án. Qua nghiên cứu, phân tích trên chúng tôi thấy rằng: cần đổi mới cơ chế quản lý hoạt động THADS; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong thi hành án đặc biệt là trong cưỡng chế kê biên tài sản... Về mặt pháp luật, nên hoàn thiện hệ thống pháp luật về thi hành án nói chung và các quy định của pháp luật về cưỡng chế kê biên tài sản nói riêng như xây dựng và ban hành Bộ luật Thi hành án dân sự, nghiên cứu triển khai đề án Thừa phát lại.

Ngoài ra, chúng ta phải tăng cường năng lực, phẩm chất, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ CHV; tích cực tuyên truyền phổ biến pháp luật về thi hành án để các đương sự tự nguyện thỏa thuận thi hành và cơ quan thi hành án có thể tranh thủ được sự giúp đỡ, phối hợp của cá nhân, tổ chức hữu quan

trong suốt quá trình thi hành án. Chỉ như vậy mới tạo được điều kiện thuận lợi cho kê biên tài sản và thi hành án sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

Khi Nhà nước xây dựng Luật thi hành án và các văn bản pháp luật có liên quan cần có sự đối chiếu quy định về KBTS giữa các văn bản này để khắc phục những quy định chưa đồng bộ, bổ sung những khoảng trống chưa được pháp luật điều chỉnh. Đảm bảo sự thống nhất các quy định trong từng văn bản cũng như giữa các văn bản pháp luật. Hoàn thiện về mặt pháp luật cộng với sự đổi mới về tổ chức hoạt động một cách hợp lý sẽ là cơ sở cho sự hoàn thiện về thi hành án nói chung, cưỡng chế thi hành án nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Xem chuyên đề về tổ chức và hoạt động thi hành án dân sự, *Thực trạng và phương hướng đổi mới của Viện nghiên cứu Khoa học Pháp lý*, Bộ Tư pháp, 1999.
- [2] Xem báo cáo tổng kết ngành thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh, 2007.

Applying the possession confiscation enforcement in practice to execute civil tort and some proposals

Tran Cong Thinh

*Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The possession confiscation enforcement (PCE) in particular and civil tort execution (CTE) in general is one of important actions to recover and protect the violated social relations. Therefore, it is typically significant to thoroughly execute the torts which are or are not yet taken into legal validity in order to maintain social order and safety. The effect of the PCE is the base for the success of an execution on possession when the person(s) concerned is/are not willing to obey. However, during the study on this issue we realize that there maintain many obstructions and difficulties in enforcement actions to execute the torts, such as management mechanism,

complicated system of civil tort executions, not proper co-ordination among enforcing authorities, or other causes that drive from inadequate and unclear legal regulations on PCE. Basing on the study and analysis, we realize that: it is necessary to renew the management mechanism on CTE, strengthen the co-ordination among relevant organs in tort execution, especially in PCE. Moreover, it is supposed to perfectize the legal system on execution in general and regulations on PCE in particular, such as making and issuing the Law on CTE, and implementing the Bailiff Program. In addition, we must improve ability, morality and responsibility of bailiff staff, and propagate law of execution to the public, and that the person(s) concerned will be willing to obey the execution, and the executing authority can be supported and coordinated by individuals and organizations during the execution process. In that condition, PCE will be easier and execution will be more effective.